TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THÀNH** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:68/2018/DSST
Ngày 30 tháng 11 năm 2018
V/v: Tranh chấp HN&GĐ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nhung

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Bảng
2. Ông Nguyễn Sỹ Tố

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Quang Sáng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **328**/2018/TLST- HNGĐ, ngày 04 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và Gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **161**/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T - sinh năm 1992

Trú tại: xóm N - xã K - huyện Y - tỉnh Nghệ An *(có mặt);*

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T - sinh năm 1987

Trú tại: xóm N - xã K - huyện Y T - tỉnh Nghệ An *(vắng mặt lần thứ hai);*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn đề ngày 30/9/2018, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án chị Thủy trình bày: chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tìm hiểu, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn vào 02/6/2011, tại Ủy ban nhân dân xã K - huyện Y. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, thậm chí đánh đập lẫn nhau từ đó dẫn đến tình

cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng. Mặc dù gia đình hai bên đã khuyên nhủ hòa giải nhưng không đem lại kết quả gì. Chị và anh T cắt đứt mọi quan hệ tình cảm và sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Trần Thảo D - sinh ngày 29/6/2011 và cháu Nguyễn Trần Thảo Y - sinh ngày 16/7/2013. Nay ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung nhưng vì từ khi sống ly thân chị phải đi làm ăn xa và để con cho anh T nuôi dưỡng theo nguyện vọng của anh T và không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Chị Trần Thị T không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án phổ biến thủ tục và kiên trì hòa giải anh T không nhất trí với lý do ly hôn của chị T anh cho rằng lý do đó là hoàn toàn vô lý anh không chấp nhận ly hôn nên anh không ký vào các biên bản của Tòa án.

Về con chung anh T thừa nhận có hai con chung như chị T trình bày nhưng anh không yêu cầu Tòa giải quyết về con chung.

Về tài sản anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do các bên không thống nhất thỏa thuận được với nhau tòa án đã mở phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 13/11/2018 nhưng tại phiên tòa chị Thủy có mặt anh T vắng mặt, Tòa án hoãn phiên tòa theo quy định. Tiếp theo đó Tòa án đã trực tiếp tại gia đình anh Thành để tống đạt các văn bản của Tòa án nhưng anh T và người thân không có nhà, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại trụ sở UBND xã theo quy định tại điều 179 BLTTDS đề xét xử vụ án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe ý kiến trình bày của chị Phương tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Thủy, anh T, yêu cầu anh, chị có mặt tại Toà án để giải quyết vụ án nhưng anh T không có mặt. Vì vậy Toà án đã lập biên bản theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đến phiên toà và đã tống đạt hợp lệ cho các đương sự. Tại phiên toà lần thứ nhất ngày 13/11/2018 chị T có mặt, anh T vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên toà. Để tiếp tục giải quyết vụ án, Toà án tiếp tục tống đạt các văn bản tố tụng phiên toà lần thứ hai cho các bên đương sự tuy nhiên anh T cũng như người thân của anh T không có mặt tại địa phương nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại trụ sở UBND xã theo quy định nhưng tại phiên toà hôm nay anh Thành tiếp tục vắng mặt không có lý do. Như vậy, anh Thành đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 điều 227của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn.

2. Về nội dung:

- Quan hệ hôn nhân: Xét hôn nhân giữa chị T, anh T là hôn nhân hợp pháp, tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của chị T đề nghị Tòa giải quyết ly hôn với anh T vì chị xác định hai bên đã thực sự không còn tình cảm sống ly thân và mâu thuẫn đã sâu sắc và ý kiến của anh Thành cho rằng lý do mà chị T đưa ra để yêu cầu ly hôn là không hợp lý nên anh không đồng ý ly hôn thì HĐXX thấy: Qua xem xét thực tế cho thấy cuộc sống chung của vợ chồng chị T những năm gần đây không được hạnh phúc, mâu thuẫn liên tục xảy ra và đã thực sự căng thẳng, trầm trọng, hai bên đã sống ly thân, không còn quan tâm, trách nhiệm gì với nhau nữa. Từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn gắn kết với nhau và đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được, điều này được thể hiện qua lời trình bày của chị T và biên bản xác minh tình trạng hôn nhân cũng như nguyên nhân mâu thuân tại UBND xã cho thấy việc chị Thủy yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh C là có căn cứ, cần chấp nhận.

- Quan hệ con chung: Chị T, anh T không yêu cầu giải quyết về con chung nên miễn xét.

- Quan hệ tài sản: Chị T, anh T không yêu cầu tòa án giải quyết nên miễn xét.

****Về án phí:*** Chị Trần Thị T phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28; khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; điều 51 và điều 56của luật Hôn Nhân và Gia đình;

- ***Về hôn nhân:*** Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

- ***Án phí:*** Căn cứ vào khoản 4, điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điều 27 Nghị quyết 326 /2016/UBTVQH, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Buộc chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, án phí của chị T được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Yên Thành (Biên lai thu tiền số: 0003071, ngày 02 tháng 10 năm 2018), chị T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị Trần Thị T, vắng mặt anh Nguyễn Văn T. Tuyên bố để các bên đương sự biết, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận: **THẨM**

PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

- Các bên Đương sự.
- VKSND H. Yên Thành
- THADS H. Yên Thành *(đã ký)*
- TAND tỉnh.
- UBND xã K
- Lưu HS **Lê Thị Nhung**